

Số: 76/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân.

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 93/2026/LĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 64/2026/QĐST-LĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc lao động: Ông Trần Đình L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã N, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: Bà Thái Thị N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Chung cư C, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 06/3/2026).

Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH T1; địa chỉ: Số B, đường D, Khu công nghiệp S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu đô thị T, khu phố N, phường D, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 26/3/2026). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động, bản tự khai và quá trình giải quyết ông Trần Đình L và người đại diện hợp pháp của ông L thống nhất trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2006 đến tháng 02/2012, ông Trần Đình L làm việc tại Công ty TNHH M, có tham gia BHXH theo sổ số 9106200167.

Cũng trong khoảng giữa năm 2007, ông L bị rơi ví, trong đó có chứng minh nhân dân. Ông Trần Đình L cam kết không cho ai mượn và không biết người nào sử dụng thông tin của ông L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 khoảng thời gian từ 7/2007 đến tháng 9/2007 (3 tháng), đóng bảo hiểm xã hội theo sổ số 9107151052. Tháng 12/2025, khi ông L đi làm thủ tục để hưởng chế độ BHXH một lần mới phát hiện bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 7/2007 đến tháng 9/2007.

Nay ông Trần Đình L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa ông Trần Đình L (do người khác ký kết) với Công ty TNHH T1 là vô hiệu.

- Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội cơ sở D – Thành phố Hồ Chí Minh là ông Dương Văn T trình bày:

Người lao động Trần Đình L, sinh năm 1988, CCCD số 044083001260 có tham gia bảo hiểm xã hội với các mã số BHXH:

+ Sổ BHXH số 9107151052 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 7/2007 đến tháng 9/2007 tại Công ty TNHH T1;

+ Sổ BHXH số 9106200167 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 11/2006 đến tháng 02/2012 tại Công Ty TNHH M.

Đối với yêu cầu của ông Trần Đình L, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Công ty TNHH T1 vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp bản tự khai hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu ông Trần Đình L và Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH T1 không chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu của ông Trần Đình L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Trần Đình L và Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH T1 vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Lời trình bày của ông Trần Đình L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D về thời gian giao kết hợp đồng lao động, thời gian bị trùng quá trình tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2007 đến tháng 9/2007 tại Công ty

TNHH T1. Ông L xác định chưa từng làm việc tại Công ty TNHH T1, không biết ai sử dụng thông tin cá nhân của ông để ký kết hợp đồng lao động. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 trong khoảng thời gian từ tháng 07/2007 đến tháng 9/2007 không phải ông Trần Đình L. Việc người khác sử dụng thông tin cá nhân của ông L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 là hành vi gian dối, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012 (Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019).

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Đình L với Công ty TNHH T1 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107151052 từ tháng 07/2007 đến tháng 9/2007 bị vô hiệu.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình L và ý kiến của ông về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH T1 từ tháng 07/2007 đến tháng 9/2007 không phải là ông Trần Đình L. Ông Trần Đình L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107151052.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Ông Trần Đình L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994;
- Các Điều 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);
- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Trần Đình L.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Trần Đình L với Công ty TNHH T1 từ tháng 07/2007 đến tháng 09/2007 theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107151052 bị

vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107151052 không phải là ông Trần Đình L, sinh năm 1983, CCCD số 044083001260. Ông Trần Đình L được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107151052.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Trần Đình L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số tiền 0015652 ngày 13/3/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Quang Ngọc Nhân